

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 102/2024/HS-ST

Ngày 06-03-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với:

- Bị cáo:

Hồ Tuấn A (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1995, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ D, H1, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ H và bà Nguyễn Thị Minh T; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 25/08/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, bị can chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2022.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/06/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, chấp hành xong bản án 22/09/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ (giam) từ ngày 29/8/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; (có mặt tại phiên tòa).

Bùi Văn T1 (Tên gọi khác: T1 mất ve), sinh năm 1996, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 203/45/13, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị L; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị C1 A C2 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019 và con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ (giam) từ ngày 29/8/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: 3 khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 quen biết nhau.

Khoảng 10 giờ ngày 10/08/2023, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Surius biển số 60T3-2358 chở Tuấn A (ngồi sau), đi ngang qua nhà bà Võ Thị S, tại địa chỉ 306/33/20, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thì Tuấn A nhìn thấy bà S ngồi trong nhà, trên cổ bà S có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng 14K gắn mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà S. Tuấn A rủ T1 vào giật chiếc dây chuyền của bà S, T1 đồng ý nên đã điều khiển xe quay lại dừng cách nhà bà S khoảng 05m. T1 đứng ngoài cảnh giới, còn Tuấn A đi bộ vào trong nhà giật chiếc dây chuyền trên cổ bà S làm rơi mặt dây chuyền xuống đất rồi cầm theo sợi dây chuyền chạy ra ngoài, lên xe T1 đang chờ sẵn để tẩu thoát.

Sau đó Tuấn A và T1 đem sợi dây chuyền đến cửa hàng mua bán vàng “Kim Mai V” tại ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), Tuấn A chia cho T1 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cả hai đã tiêu xài hết.

Ngày 31/08/2023 Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 bị phát hiện khởi tố để xử lý theo quy định.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 14K có trọng lượng 5 chỉ 2 phân, là tài sản của bà Võ Thị S bị Hồ Tuấn A chiếm đoạt mang đi bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

+ 01 (một) mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch bên ngoài bọc vàng 14K trọng lượng 7 phân 2 của bà Võ Thị S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không tạm giữ.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Surius biển số 60T3-2358 Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Sau đó Tuấn A đã bán chiếc xe

trên cho một người (không rõ nhân thân lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 474/KL-HĐĐGTS ngày 07/09/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, đã kết luận: “01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 14K có trọng lượng 5 chỉ 2 phân và 01 (một) mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch, bên ngoài bọc vàng 14K trọng lượng 7 phân 2 có tổng trị giá 19.825.440đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng)”.

- Về dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại bà Võ Thị S, yêu cầu Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 bồi thường số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Tuy nhiên tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà S chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà số tiền 19.825.440đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Hiện Tuấn A và T1 chưa bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 112/CT-VKSBH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo:

- Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 về tội: “Cướp giật tài sản”, theo Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 171 và Điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hồ Tuấn A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 171 và Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 01 năm 02 tháng đến 1 năm 08 tháng tù.

+ Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại bà Võ Thị S theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại có bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án. Xét thấy, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 10/08/2023 tại nhà số C, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Hồ Tuấn A cùng với Bùi Văn T1 đã có hành vi cướp giật 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 14K có trọng lượng 5 chỉ 2 phân có gắn mặt bằng đá cẩm thạch, bên ngoài bọc vàng 14K trọng lượng 7 phân 2 trị giá 19.825.440đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) của bà Võ Thị S. Đến ngày 29/08/2023 Tuấn A và T1 bị phát hiện bắt giữ, xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, bản Cáo trạng số 112/CT-VKSBH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Trước đó, bị cáo Tuấn A đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù về tội cướp giật tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục tái phạm.

- Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò trước và sau khi phạm tội nên xem là đồng phạm giản đơn.

- Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Hồ Tuấn A có vai trò lớn nhất. Bị cáo là người rủ rê, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo T1 giữ vai trò là người giúp sức trong vụ án này. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Tuấn A mức án cao hơn bị cáo T1.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hồ Tuấn A, tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 14K có trọng lượng 5 chỉ 2 phân, là tài sản của bà Võ Thị S bị Hồ Tuấn A chiếm đoạt mang đi bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được nên không xem xét.

+ 01 (một) mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch bên ngoài bọc vàng 14K trọng lượng 7 phân 2 của bà Võ Thị S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không tạm giữ nên không đặt ra xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Surius biển số 60T3-2358 Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Sau đó Tuấn A đã bán chiếc xe trên cho một người (không rõ nhân thân lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị hại bà Võ Thị S yêu cầu các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 phải bồi thường cho bà số tiền 19.825.440đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Xét thấy, yêu cầu của bà sáu là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bà S số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Đối với anh Vũ Quang M là chủ cửa hàng mua bán vàng “Kim Mai V”, anh M không xác định được có mua vàng của Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 mang đến bán hay không do cửa hàng thường xuyên có người đến để mua bán. Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 cho biết khi bán vàng người mua không biết số vàng Tuấn A bán là do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý đối với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Tuấn A 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2023.

2. Căn cứ Khoản 1, Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự;

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Võ Thị S số tiền 19.825.440đ (Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 9.912.720đ (chín triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hồ Tuấn A và Bùi Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 495.636đ (bốn trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nguyệt

